TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 8 - 2017.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Phùng.

Ông Nguyễn Thanh Vũ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2017/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2017/QĐXXST - HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Lê Văn Bé M, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Lê Văn Bé M cưới nhau do quen biết, tự nguyện và sống chung từ năm 1988 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được sáu năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng không hợp nhau nên thường hay cự cãi, đã ly thân cách nay bốn năm. Thời gian ly thân vợ chồng có hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xin ly hôn với ông M. Con chung Lê Văn D, sinh ngày 22/02/1989 và Lê Hoàng K, sinh ngày 24/02/1995 đã trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn Bé M trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức đám cưới

và sống chung từ năm 1988 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn và không được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được hai mươi tám năm, vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt gia đình, không có sống ly thân. Nay bà N xin ly hôn ông không đồng ý vì con ông bà chưa cưới vợ, chưa lo được gì cho con nên không muốn ly hôn. Con chung Lê Văn D, sinh ngày 22/02/1989 và Lê Hoàng K, sinh ngày 24/02/1995 đã trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn ông Lê Văn Bé M đều có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông M.

[2] Xét về hôn nhân thấy rằng bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn Bé M cưới nhau và sống chung như vợ chồng từ sau ngày 03/01/1987 đến trước ngày 01/01/2001 nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đến thời điểm hiện tại ông bà cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận, căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X, các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà N, ông M là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà N và ông M có hai con chung tên Lê Văn D, sinh ngày 22/02/1989 và Lê Hoàng K, sinh ngày 24/02/1995 đã trưởng thành nên không đề cập.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông M trình bày không có nên không đề cập.

[5] Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X; các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Tuyên xử:

[1] Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn Bé M là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Bà N, ông M có hai con chung tên Lê Văn D, sinh ngày 22/02/1989 và Lê Hoàng K, sinh ngày 24/02/1995 đã trưởng thành nên không đề cập.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông M trình bày không có nên không đề cập.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí ly hôn bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx ngày 26/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện